

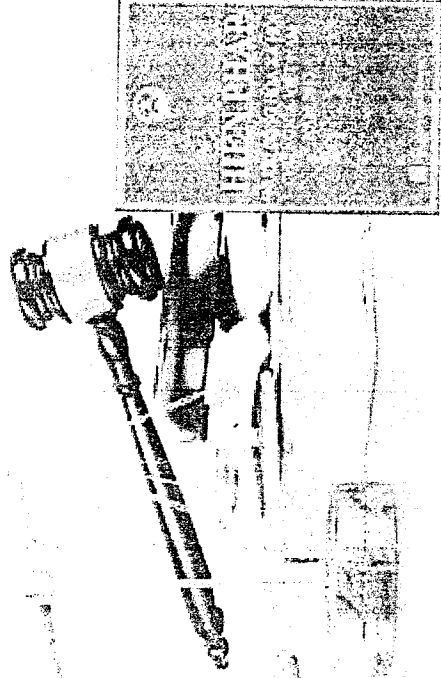
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU HIỆN PHÁP

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Họ và tên: Trương Văn Thủy

Sinh ngày: 02/3/1991, Giới tính: Nam, Dân tộc: Kinh

Địa chỉ: TDP 13, P. Hương Chũ, Tx. Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế

SĐT: 0913 913 544

Huế, 02/2015

LỜI NÓI ĐẦU

- Kính gửi:
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
 - UBND thị xã Hương Trà
 - UBND phường Hương Chữ

Là một công dân sinh sống và học tập trên đất nước Việt Nam, tôi luôn tự hào về điều đó. Đất nước ta đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, biết bao truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc được hình thành, gìn giữ và phát huy ngày càng toả sáng thêm tình yêu quê hương đất nước trong mỗi người dân đất Việt nói chung và trong tôi nói riêng.

Bản thân tôi càng thấy phấn khởi hơn khi đất nước ta đã gặt hái được những thành tựu vô cùng to lớn và quan trọng sau gần 30 năm đổi mới trên tất cả các mặt từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Đạt được những thành công đó là nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cả toàn dân tộc. Ngày nay, mỗi người dân đều cảm thấy yên tâm và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, mọi người đều có tinh thần và trách nhiệm cùng xây dựng một đất nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp và văn minh.

Trong không khí cả nước đang hân hoan hưởng ứng cuộc thi “Tìm hiểu Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” do Bộ Tư Pháp phát động. Trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, phòng Tư Pháp thị xã phối hợp với Sở Tư Pháp của tỉnh đã phát động cuộc thi này nhằm đưa nội dung của bản Hiến Pháp sớm đi vào cuộc sống cùng với người dân. Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của một người công dân, bản thân tôi nhận thấy rằng, việc hiểu rõ nội dung bản Hiến Pháp mới (Hiến Pháp năm 2013) được sửa đổi, bổ sung từ bản Hiến Pháp 1992 là quan trọng nhằm tuyên truyền để không những bản thân tôi mà mọi người dân đất nước đều hiểu rõ về bản Hiến Pháp mới này.

Trên tinh thần đó, tôi viết bài tham gia cuộc thi “Tìm hiểu Hiến Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” với vai trò và trách nhiệm của một người dân đất Việt và mong muốn rằng cuộc thi này sẽ là cơ hội và tạo điều kiện tốt nhất để mọi người dân đều hiểu biết về Hiến Pháp năm 2013.

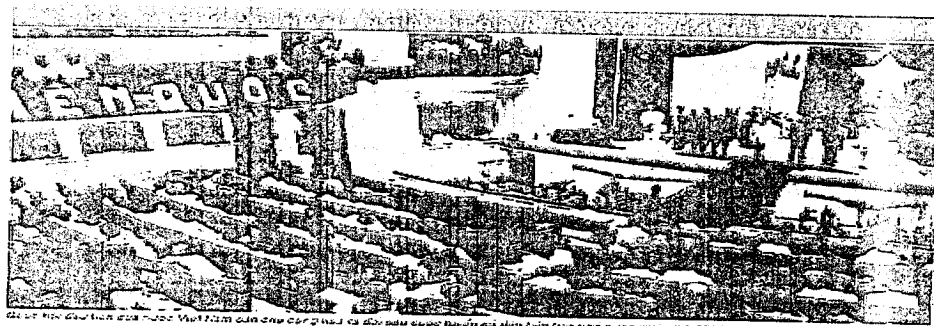
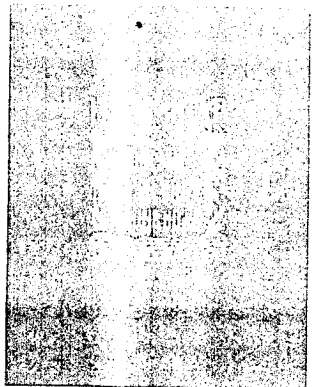
Xin chân thành cảm ơn!

BÀI LÀM

Câu 1. Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có mấy bản Hiến pháp? Các bản Hiến pháp đó được Quốc hội thông qua vào ngày, tháng, năm nào?

Từ năm 1945, khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta đã có 05 bản Hiến pháp. Các bản Hiến pháp này được Quốc hội thông qua vào các ngày, tháng, năm cụ thể như sau:

Bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946: Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ngay sau khi đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề về sự cần thiết phải có một bản Hiến pháp cho Nhà nước Việt Nam. Bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 được Quốc hội Khóa I chính thức thông qua tại Kỳ họp thứ 2 vào ngày 9/11/1946.



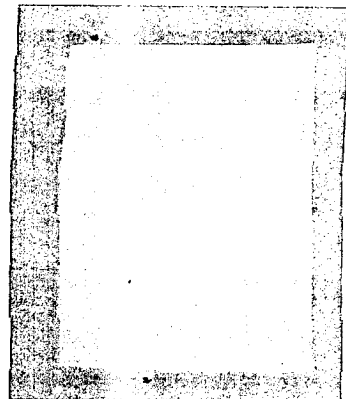
Bác Hồ với bản hiến pháp dân chủ đầu tiên

Những tác phẩm của ngày Cách mạng Tháng Tám vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là những tác phẩm có giá trị lịch sử và pháp lý vô cùng to lớn. Đó là Tuyên ngôn Độc lập, là Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn Độc lập là bản tuyên ngôn về quyền tự do, độc lập, dân chủ của dân tộc Việt Nam. Hiến pháp đầu tiên là bản hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hai tác phẩm này là những viên ngọc quý của kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta cần nghiên cứu và học tập những tư tưởng, tình cảm, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh để vận dụng vào công việc cách mạng và xây dựng đất nước ngày nay.

Trong những ngày đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề về sự cần thiết phải có một bản Hiến pháp cho Nhà nước Việt Nam. Ông đã nói: "Chúng ta cần có một bản Hiến pháp để quy định quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, để xây dựng một Nhà nước dân chủ, pháp quyền". Ông đã chỉ đạo việc soạn thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông đã trực tiếp tham gia vào việc soạn thảo Hiến pháp này. Ông đã viết phần mở đầu của Hiến pháp, phần nói về quyền tự do, độc lập, dân chủ của dân tộc Việt Nam. Ông đã chỉ đạo việc soạn thảo các điều khoản của Hiến pháp, phần nói về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, về quyền lợi và nghĩa vụ của Nhà nước. Ông đã chỉ đạo việc soạn thảo Hiến pháp này một cách khẩn trương và nghiêm túc. Ông đã chỉ đạo việc thông qua Hiến pháp này một cách dân chủ và công khai. Ông đã chỉ đạo việc ban hành Hiến pháp này một cách rộng rãi và sâu rộng. Ông đã chỉ đạo việc vận động nhân dân thực hiện Hiến pháp này một cách nghiêm túc và đầy đủ.

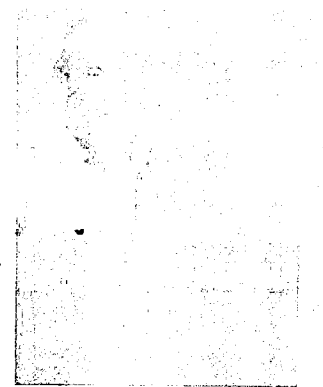
Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một bản hiến pháp dân chủ, pháp quyền. Nó quy định quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, quy định quyền lợi và nghĩa vụ của Nhà nước. Nó bảo vệ quyền lợi của nhân dân, nó xây dựng một Nhà nước dân chủ, pháp quyền. Nó là một viên ngọc quý của kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta cần nghiên cứu và học tập những tư tưởng, tình cảm, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh để vận dụng vào công việc cách mạng và xây dựng đất nước ngày nay.

Thứ hai, là bản Hiến pháp năm 1959: Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và từng bước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, miền Nam tạm thời đặt dưới sự kiểm soát của Mỹ - Ngụy. Ngày 31/12/1959, bản dự thảo Hiến pháp đã được Quốc hội khóa I thông qua tại kỳ họp thứ 11 và ngày 01/01/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh công bố Hiến pháp năm 1959.



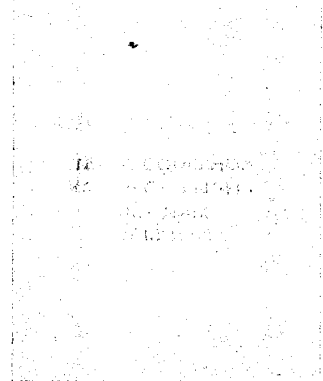
Thứ ba, là bản Hiến pháp năm 1980: Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội chung của cả nước đã thành công rực rỡ. Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp 1980 được Quốc hội khóa VI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 1980, Hiến pháp năm 1980 là Tuyên ngôn của Nhà nước chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiến pháp của thời kỳ xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

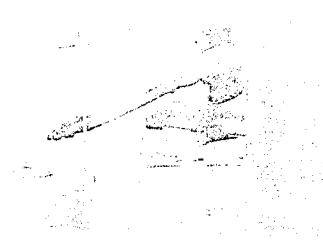


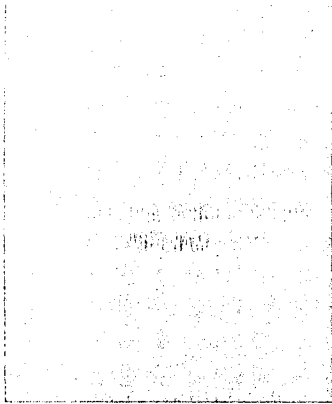
Thứ tư, là bản Hiến pháp năm 1992: Sau một thập kỷ được ban hành đã trở nên không phù hợp với tình hình thế giới, với những chủ trương đổi mới kinh tế của Đảng. Chính vì vậy, ngày 15/4/1992, tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VII, đã thông qua bản Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 1992).

Ngày 25/12/2001, tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội Khóa X đã chính thức thông qua Nghị quyết số 51/2001/QH10 sửa đổi, bổ sung 23 Điều của Hiến pháp 1992.

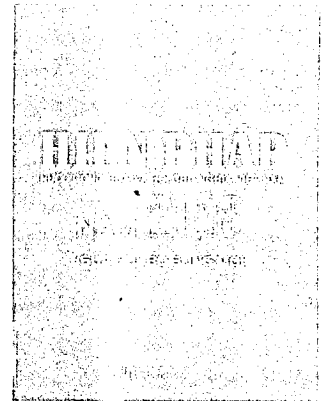


Thứ năm, là bản Hiến pháp năm 2013: Ngày 28/11/2013, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thay thế cho Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001).





Hiến pháp năm 2013 - sửa đổi, bổ sung mới.



Câu 2. Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có bao nhiêu điều được giữ nguyên? Có bao nhiêu điều được sửa đổi, bổ sung? Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001), bản Hiến Pháp mới - Hiến pháp năm 2013 có 02 điều được giữ nguyên (điều 86, 91). Sửa đổi, bổ sung 106 điều và được bổ sung mới 12 điều. Với bố cục 11 chương, 120 điều (giảm 1 chương và 27 điều so với Hiến pháp năm 1992). Hiến pháp năm 2013 có bố cục gọn và kỹ thuật lập hiến chặt chẽ, có tính ổn định lâu dài.

Một số ví dụ cụ thể trong Hiến pháp mới năm 2013 như sau:

1. Điều 2- sửa đổi, bổ sung Điều 2

Tiếp tục khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Nhà nước do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.

Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. “Kiểm soát” là từ ngữ mới được xuất hiện trong bản Hiến pháp năm 2013.

2. Điều 3- sửa đổi, bổ sung Điều 3

Theo đó, Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân - đây là điểm mới tiến bộ và có ý nghĩa quan trọng trong việc lần đầu tiên ghi nhận quyền con người, quyền cơ bản của công dân tại chương II. Hiến pháp mới năm 2013 đã có những nhận thức mới về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Ngoài ra, có sự điều chỉnh trong việc thực hiện mục tiêu đó là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Thay đổi thuật ngữ đưa “dân chủ” lên trước “công bằng”.

Điều 3- Hiến pháp năm 1992	Điều 3- Hiến pháp năm 2013
Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân	Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện ¹

3. Điều 4- sửa đổi, bổ sung Điều 4

Ngoài những quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công dân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” còn bổ sung quy định “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”².

¹ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 9

² Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 9-10

Đồng thời bổ sung thêm quy định “Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

Cụ thể các điều được sửa đổi, bổ sung trong Hiến Pháp 2013 như sau:

Stt	Điều được sửa đổi, bổ sung	Vị trí trong Hiến pháp 2013	Vị trí trong Hiến pháp 1992	Ghi chú
1	Điều	1	1	Giữ nguyên
2	Điều	2	2	Sửa đổi, bổ sung
3	Điều	3	3	Sửa đổi, bổ sung
4	Điều	4	4	Sửa đổi, bổ sung
5	Điều	5	5	Sửa đổi, bổ sung
6	Điều	6	6	Sửa đổi, bổ sung
7	Điều	7	7	Sửa đổi, bổ sung
8	Điều	8	8,12	Sửa đổi, bổ sung
9	Điều	9	9	Sửa đổi, bổ sung
10	Điều	10	10	Sửa đổi, bổ sung
11	Điều	11	13	Sửa đổi, bổ sung
12	Điều	12	14	Sửa đổi, bổ sung
13	Điều	13	141, 142, 143, 144, 145	Ghép và giữ nguyên các Điều từ 141 đến 144, Điều 145 sửa đổi, bổ sung
14	Điều	14	50	Sửa đổi, bổ sung
15	Điều	15	51	Sửa đổi, bổ sung
16	Điều	16	52	Sửa đổi, bổ sung
17	Điều	17	49	Sửa đổi, bổ sung
18	Điều	18	75	Sửa đổi, bổ sung
19	Điều	19		Mới
20	Điều	20	71	Sửa đổi, bổ sung
21	Điều	21	73	Sửa đổi, bổ sung

22	Điều	22	73	Sửa đổi, bổ sung
23	Điều	23	68	Sửa đổi, bổ sung
24	Điều	24	70	Sửa đổi, bổ sung
25	Điều	25	69	Sửa đổi, bổ sung
26	Điều	26	63	Sửa đổi, bổ sung
27	Điều	27	54	Sửa đổi, bổ sung
28	Điều	28	53	Sửa đổi, bổ sung
29	Điều	29	53	Sửa đổi, bổ sung
30	Điều	30	74	Sửa đổi, bổ sung
31	Điều	31	72	Sửa đổi, bổ sung
32	Điều	32	58	Sửa đổi, bổ sung
33	Điều	33	57	Sửa đổi, bổ sung
34	Điều	34		Mới
35	Điều	35	55, 56	Sửa đổi, bổ sung
36	Điều	36	64	Sửa đổi, bổ sung
37	Điều	37	65,66	Sửa đổi, bổ sung
38	Điều	38	39,61	Sửa đổi, bổ sung
39	Điều	39	59	Sửa đổi, bổ sung
40	Điều	40	60	Sửa đổi, bổ sung
41	Điều	41		Mới
42	Điều	42		Mới
43	Điều	43		Mới
44	Điều	44	76	Sửa đổi, bổ sung
45	Điều	45	77	Sửa đổi, bổ sung
46	Điều	46	79	Sửa đổi, bổ sung
47	Điều	47	60	Sửa đổi, bổ sung
48	Điều	48	81	Sửa đổi, bổ sung
49	Điều	49	82	Giữ nguyên Điều 82
50	Điều	50	15,43	Sửa đổi, bổ sung

Ngoài những điều trên, Hiến pháp năm 2013 còn nhiều điểm mới khác được trình bày cụ thể và đầy đủ trong bản Hiến pháp.

Trong các điều sửa đổi, bổ sung trong bản Hiến pháp năm 2013, bản thân tôi tâm đắc nhất là bổ sung, sửa đổi điều 4, tiếp tục khẳng định sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, và tại Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình", theo tôi đây là điểm bổ sung mới quan trọng, vì vai trò làm chủ của Nhân dân đối với đất nước được đề cao, Nhân dân giao phó trách nhiệm cho Đảng để lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì vậy, Đảng phải chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Nhân dân trong việc lãnh đạo của mình. Qua đó, tạo động lực mạnh mẽ để Đảng cộng sản Việt Nam thực hiện và hoàn thành vai trò lãnh đạo một cách tốt nhất góp phần xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Câu 3. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...". Bạn hãy nêu và phân tích ngắn gọn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước.

Tại Điều 2- Hiến pháp 2013 khẳng định: "*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức*"³. Điều này chỉ rõ quyền lực Nhà nước ta thống nhất là ở Nhân dân. Quan niệm thống nhất quyền lực nhà nước là ở Nhân dân thể hiện ở nguyên tắc "Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân". Có thể thấy rằng, đây là nguyên tắc nhất quán thể hiện xuyên suốt tinh thần Hiến pháp năm 2013.

Hiến pháp năm 2013 đã có một bước tiến mới trong việc phân công quyền lực và những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước: Điều 69 về quyền

³ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 8 - 9

lập pháp của Quốc hội; Điều 94 về Chính phủ thực hiện quyền hành pháp; Điều 102 Tòa án nhân dân thực hiện quyền Tư pháp.

Việc xác nhận các cơ quan khác nhau thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp là một sự đổi mới quan trọng, tạo điều kiện để làm rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi quyền: Quyền lập pháp là quyền đại diện cho Nhân dân, thể hiện ý chí của quốc gia và do Quốc hội thực hiện, quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia do Chính phủ đảm trách, quyền tư pháp là quyền xét xử, được nhân dân giao cho Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân thực hiện độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Mặc dù có sự phân định 03 quyền nhưng cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp không hoàn toàn tách biệt nhau mà ràng buộc lẫn nhau, cả ba quyền này phải phối hợp, phải hoạt động một cách nhịp nhàng trên cơ sở làm đúng, làm đủ nhiệm vụ và quyền hạn mà Nhân dân giao cho mỗi quyền được Hiến pháp-đạo luật gốc của Nhà nước và xã hội quy định.

Mục đích của việc phân công quyền lực nhà nước là để nhằm kiểm soát quyền lực Nhà nước, bảo đảm cho tính quyền lực của nhà nước và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa chứ không phải là để thỏa hiệp hay chia rẽ quyền lực Nhà nước giữa các quyền.

Tại Điều 3- Hiến pháp năm 2013: *“Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”*. Như vậy, quyền lực của Nhân dân còn được thể hiện ở việc nhà nước đảm bảo và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân...

Điều 6- Hiến pháp năm 2013: *“Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước của mình bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của nhà nước”*⁴. Điều này thể hiện, Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước của mình thông qua cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước là Quốc hội và cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương là Hội đồng

⁴ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 10

nhân dân các cấp, thông qua việc bầu, lựa chọn đại biểu, đại diện cho tiếng nói, nguyện vọng của người dân, hoạt động giám sát, hoạt động trung cầu ý dân. Ví dụ: Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân tham gia vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992... Mặt khác, Nhân dân còn thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua các cơ quan khác như hành pháp, tư pháp, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam...

Bản Hiến pháp năm 2013 đã bước đầu xây dựng các thiết chế để đảm bảo quyền kiểm soát của Nhân dân để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình như: Khoản 8- Điều 74 về quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 7- Điều 70; Điều 117; Điều 118... Sự ra đời của các thiết chế độc lập này nhằm tăng cường các công cụ để Nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước trong bầu cử, sử dụng tài chính ngân sách nhà nước và tài sản công một cách hiệu quả hơn

Ngoài những điều trên, xuyên suốt bản Hiến pháp năm 2013 là tinh thần phát huy quyền lực và dân chủ của nhân dân, nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Câu 4. Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc?

Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã và đang từng bước được hiện thực hóa trong quá trình cách mạng.

Trong bản Hiến pháp năm 2013, những quy định thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đó là:

Tại Điều 5, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: "1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. 2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. 3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. 4. Nhà nước thực

hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước" ⁵.

Tại Điều 42, Chương II Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: "Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp"; hay Điều 61, Chương III: Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường: "Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...".

Thể hiện tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc trong việc chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn được khẳng định tại khoản 1 Điều 58 của Hiến pháp: "*1. Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*" ⁶.

Thể hiện trong lĩnh vực văn hóa, Hiến pháp tiếp tục khẳng định tại khoản 1 Điều 60 nguyên tắc: "*1. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại*" ⁷.

Về lĩnh vực giáo dục, Hiến pháp quy định rõ hơn các chính sách ưu tiên tại khoản 2 điều 61 như sau: "*2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý*" ⁸.

"*3. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử*

⁵ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 10

⁶ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 27 - 28

⁷ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 28

⁸ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 29

dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề.”⁹

Về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng và Chủ tịch Hội đồng dân tộc được làm rõ hơn, đề cao vai trò, trách nhiệm, quy định tại khoản 2, khoản Điều 75 Hiến pháp: “2. Hội đồng dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội về công tác dân tộc; thực hiện quyền giám sát việc thi hành chính sách dân tộc, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.3. Chủ tịch Hội đồng dân tộc được mời tham dự phiên họp của Chính phủ bàn về việc thực hiện chính sách dân tộc. Khi ban hành quy định thực hiện chính sách dân tộc, Chính phủ phải lấy ý kiến của Hội đồng dân tộc.”

Thực hiện đúng nội dung nhất quán của Hiến pháp 2013 - văn bản có hiệu lực pháp lý tối thượng của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đang hiện thực hóa mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XI đề ra: “Đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ”¹⁰.

Câu 5. Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân tại các Điều: 14, 16, 19, khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 21, 27, 33, 34, 36, 37, 41, 42, 43, Khoản 6 Điều 96, Khoản 3 Điều 107; Khoản 3 Điều 102, cụ thể như sau:

CHƯƠNG II: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

HIẾN PHÁP 1992 (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	HIẾN PHÁP NĂM 2013	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
--	-----------------------	--

⁹ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 29

¹⁰ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 244

NĂM 2001)		
<p>Chương V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN</p>	<p>CHƯƠNG II QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN</p>	<p>- Đây không phải là sự thay đổi vị trí từ chương V lên chương II một cách ngẫu nhiên mà là thể hiện tầm quan trọng của quyền con người trong Hiến pháp.</p> <p>- Về tên chương: Hiến pháp năm 1992 tên là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 nêu rõ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Điều này cho thấy tư tưởng lập hiến khẳng định vị trí quan trọng của quyền con người.</p>
<p>Điều 50 Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật.</p>	<p>Điều 14 (sửa đổi, bổ sung Điều 50) 1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.</p>	<p>- So với Hiến pháp 1992 thì Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người, quyền công dân tại các điều luật cụ thể trong Hiến pháp và quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế theo Luật định (chứ không thể bị giới hạn tùy tiện hay trong văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư..)</p> <p>- Hiến pháp năm 1992, chỉ mang tính chất thừa nhận quyền con người thông qua các quyền công</p>

	<p>2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.</p>	<p>dân mà không quy định cụ thể cơ chế đảm bảo thực hiện quyền con người, quyền công dân . Nhưng bản Hiến pháp năm 2013 đã quy định rất rõ các quyền con người, quyền công dân được Nhà nước thừa nhận, bảo đảm thực hiện.</p>
<p>Điều 52 Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.</p>	<p>Điều 16 (sửa đổi, bổ sung Điều 52) 1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.</p>	<p>- Nếu Hiến pháp năm 1992 sử dụng thuật ngữ “mọi công dân” tức là chỉ những người là công dân Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam. - Hiến pháp năm 2013 sử dụng thuật ngữ “mọi người” tức là đó là quyền con người, cho dù là người có quốc tịch Việt Nam, không quốc tịch...đều được bình đẳng trước pháp luật. Quyền con người gắn với yếu tố tự nhiên, đã là con người sinh ra là họ có quyền đó, Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm thừa nhận và bảo đảm thực hiện.</p>
	<p>Điều 19 (mới) Mọi người có quyền</p>	<p>- Đây là quy định mới được bổ sung trong Hiến pháp năm 2013.</p>

	sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.	Điều Luật cho thấy: Mặc dù Nhà nước bảo bộ tính mạng con người nhưng Nhà nước cũng có thể quy định trong luật về việc tước đoạt tính mạng con người trong Luật Hình sự...
<p>Điều 71</p> <p>Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.</p> <p>Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật.</p> <p>Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân.</p>	<p>Điều 20 (sửa đổi, bổ sung Điều 71)</p> <p>“...3. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải được người được thử nghiệm”</p>	<p>Đây là điểm mới của Hiến pháp năm 2013 thể hiện quyền được hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác của mọi người để chữa bệnh cho người thân, cũng như đề cao vai trò bộ phận cơ thể người phục vụ cho việc nghiên cứu, chữa bệnh trong y học hiện nay. Và điều này có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong việc cứu người – những nghĩa cử và tấm lòng cao đẹp thông qua việc thực hiện tại điều này trong xã hội ngày nay.</p>

<p>Điều 57 Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 33 (sửa đổi, bổ sung Điều 57) Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.</p>	<p>- Hiến pháp năm 1992 quy định công dân có quyền tự do kinh doanh nhưng Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền tự do kinh doanh. Như vậy Hiến pháp đã mở rộng hơn về đối tượng được kinh doanh và ngành nghề được kinh doanh để tạo điều kiện mọi người tự do kinh doanh, làm giàu chính đáng, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.</p>
--	--	--

So với Hiến pháp năm 1992, trong bản Hiến pháp năm 2013, ngoài những điều trên, còn quy định nhiều điều luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã quy định rõ ràng, cụ thể và bổ sung đầy đủ hơn.

Về cách thức thể hiện, Hiến pháp năm 2013 có sự đổi mới quan trọng theo hướng ghi nhận mọi người có quyền, công dân có quyền và quyền con người là quyền tự nhiên, bất cứ ai cũng có quyền đó, quyền công dân là quyền của người có quốc tịch Việt Nam... Để mọi người, công dân thực hiện quyền của mình thì Hiến pháp năm 2013 quy định trách nhiệm của Nhà nước phải ban hành văn bản pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người và công dân thực hiện đầy đủ các quyền của mình.

Trong các điểm mới đó, bản thân tôi tâm đắc nhất là điểm mới sửa đổi tại Điều 16 (sửa đổi, bổ sung Điều 52), ghi rõ: “1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”¹¹. Như vậy, nếu Hiến pháp năm 1992 sử dụng thuật ngữ “mọi công dân” tức là chỉ những người là công dân Việt Nam, có quốc tịch Việt Nam. Thì trong Hiến pháp năm 2013, điểm mới là ở chỗ sử dụng thuật ngữ “mọi người” tức là đó là

¹¹ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 15

quyền con người, cho dù là người có quốc tịch Việt Nam, không quốc tịch...đều được bình đẳng trước pháp luật. Quyền con người gắn với yếu tố tự nhiên, đã là con người sinh ra là họ có quyền đó, Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm thừa nhận và bảo đảm thực hiện. Điều này đã khẳng định thêm và ghi nhận về quyền con người, quyền cơ bản của công dân tại chương II. Như vậy, Hiến pháp mới năm 2013 đã có những nhận thức mới về việc đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Qua đó, đảm bảo được quyền tự do cá nhân của con người trong khuôn khổ pháp luật và bình đẳng với nhau trước pháp luật.

Câu 6. Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước?

Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 đó là:

1. Về Quốc hội:

Về vị trí: chương V của Hiến pháp, sửa đổi, quy định về Quốc Hội, với 16 điều, từ Điều 69 đến Điều 85 (so với 18 điều, từ Điều 83 đến Điều 100 tại Chương VI của Hiến pháp năm 1992).

Về mặt kỹ thuật, số lượng các điều trong Chương có giảm đi (giảm 2 Điều); cách thiết kế các điều cũng thể hiện sự hợp lý, logic, chặt chẽ hơn về văn phong, bố cục, thể hiện bước tiến mới về kỹ thuật lập hiến.

Về nội dung: Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 69). Đánh giá một cách tổng thể, có thể nói các vấn đề căn bản nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong bản Hiến pháp 2013 tiếp tục kế thừa các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp năm 1992. Theo đó, "Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước".

Bên cạnh đó, các quy định về Quốc hội trong Hiến pháp 2013 đã có những điều chỉnh theo hướng minh định rõ hơn về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các chủ thể có liên quan trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Thể hiện qua một số điểm mới sau đây:

Thứ nhất, về quyền lập hiến, Hiến pháp 2013 quy định Quốc hội thực hiện quyền lập hiến (Điều 69), so với Hiến pháp năm 1992, đã bỏ cụm từ "duy nhất", gắn với khả năng thực hiện trung cầu ý dân về Hiến pháp trong quy trình sửa đổi Hiến pháp trong tương lai. Tại khoản 4 Điều 120 đã bổ sung quy định: "*Hiến pháp được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Việc trung cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định*"¹²; quy định này nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát huy dân chủ XHCN; Quốc hội với vị trí là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam được trao thẩm quyền quyết định việc trung cầu ý dân về Hiến pháp phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn cụ thể của đất nước.

Thứ hai, Hiến pháp 2013 đã có các điều chỉnh tương ứng liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội, như: trong việc thực hiện quyền giám sát tối cao, đã bổ sung quy định Quốc hội thực hiện việc "xét báo cáo công tác của Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập" (điểm 2 Điều 70); trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán Nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia (điểm 7 Điều 70), v.v.

Hiến pháp năm 2013 cũng quy định bổ sung theo hướng đầy đủ, chặt chẽ hơn về thẩm quyền của Quốc hội không chỉ giới hạn ở việc thành lập, giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, mà còn bổ sung cả việc nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính của đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; bổ sung quy định việc Quốc hội có thẩm quyền thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và Luật (điểm 9 Điều 70).

¹² *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 9

Về Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, so với Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013 đã có sự điều chỉnh theo hướng quy định việc Quốc hội chỉ bầu Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của QH; còn các Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc và các Ủy viên, các Phó Chủ nhiệm các Ủy ban và các Ủy viên Ủy ban do Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn (các điều 70, 75, 76); việc thành lập, giải thể Ủy ban của Quốc hội do Quốc hội quyết định (Điều 76). Quy định này một mặt vẫn bảo đảm được vị thế của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, mặt khác bảo đảm tính chủ động, kịp thời, không phức tạp về quy trình, thủ tục trong trường hợp cần có sự điều chỉnh về nhân sự do yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó, Hiến pháp 2013 còn bổ sung quy định về thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (điểm 7 Điều 70).

Thứ ba, Hiến pháp năm 2013 quy định theo hướng rõ và hợp lý hơn về trách nhiệm, thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Quốc hội có thẩm quyền "*Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ Chính phủ; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước*"¹³ (tại khoản 4 Điều 70).

Thứ tư, Hiến pháp năm 2013 quy định thẩm quyền của Quốc hội trong các vấn đề liên quan đến đối ngoại, chủ quyền quốc gia cũng đã được điều chỉnh lại theo hướng rõ, chặt chẽ hơn. Tại điểm 14, Điều 70, bên cạnh việc tiếp tục quy định thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại, đã có sự điều chỉnh cụ thể, hợp lý hơn thông qua việc quy định thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của Điều ước Quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của CHXHCN Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước

¹³ *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 33

quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

2. Về Chính phủ:

Đây là một chương có nhiều nội dung đổi mới trong bản Hiến pháp năm 2013 được trình bày cụ thể tại chương VII. Cụ thể, một số điểm mới căn bản sau đây:

Thứ nhất: Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp.

Trước đây, Hiến pháp năm 1992 quy định Chính phủ là cơ quan chấp hành và điều hành tức là chấp hành Luật, văn bản luật của Quốc hội và điều hành chung hoạt động kinh tế- xã hội của quốc gia.

Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên khẳng định tính chất, vị trí của Chính phủ là cơ quan thực hiện quyền hành pháp, nhấn mạnh và đề cao hơn tính chất, vị trí của Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời cũng nhấn mạnh Chính phủ có vai trò hoạch định chính sách (Khoản 2- Điều 96).

Hiến pháp quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật...

Về mối quan hệ giữa Chính phủ và Chủ tịch nước, Quốc hội: Hiến pháp đã bỏ quy định về thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhằm tạo điều kiện cho Chính phủ chủ động, linh hoạt trong việc đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh..

Về cơ cấu, thành phần của Chính phủ: Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thêm quy định cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quy định để trên cơ sở đó quy định trong luật về cơ cấu, số lượng, thành viên của Chính phủ.

Thứ hai: Về chế định Thủ tướng Chính phủ

Theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 chế định về Thủ tướng Chính phủ vị thế và vai trò của Thủ tướng được nâng cao hơn. Tập trung thẩm quyền của Thủ tướng trong việc lãnh đạo, điều hành Chính phủ và hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

Thứ ba: Tăng cường trách nhiệm cá nhân của Bộ trưởng

Hiến pháp năm 2013 có một số sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm cá nhân của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên của Chính phủ và là người đứng đầu bộ, cơ quan ngang bộ với tư cách là thành viên Chính phủ. Đó là về vị trí, vai trò của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; về chế độ chịu trách nhiệm; về nhiệm vụ, quyền hạn cũng như về trách nhiệm giải trình,...

3. Điểm mới về Tòa án

Bằng việc quy định "*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*"¹⁴ (Khoản 1 Điều 102), Hiến pháp 2013 xác định rõ ràng, cụ thể vị trí, vai trò của Tòa án nhân dân trong bộ máy cơ quan nhà nước. Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp, thực hiện chức năng xét xử; Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có quyền ra phán quyết về các vi phạm pháp luật, các tranh chấp theo quy định của pháp luật và về các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Xử lý các vi phạm pháp luật bằng chế tài nhà nước, giải quyết các tranh chấp bằng quyền lực nhà nước đều thuộc thẩm quyền của Tòa án. Vì vậy, quy định của Hiến pháp 2013 là cơ sở hiến định cho việc mở rộng thẩm quyền của Tòa án trong xét xử các loại án, thể hiện xu thế tất yếu của nhà nước pháp quyền.

Hiến pháp 2013 khẳng định vị trí trung tâm của Tòa án trong hệ thống tư pháp, vị trí trọng tâm của hoạt động xét xử trong các hoạt động tư pháp.

Vị trí, vai trò và chức năng của Tòa án nhân dân đã được xác định là cơ quan có chức năng ra phán quyết về các vi phạm pháp luật, các tranh chấp pháp lý, Tòa án nhân dân có vai trò rất quan trọng trong bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Khi quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm hoặc bị tranh chấp, người dân tìm đến Tòa án như là

¹⁴ *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 54 - 55

tìm đến công lý. Vì vậy, có thể nói, theo Hiến pháp 2013, Tòa án là biểu tượng của công lý và có nhiệm vụ bảo vệ công lý.

Theo bản Hiến pháp 2013 vị thế của Tòa án nhân dân được nâng lên rõ rệt. Ngoài việc xác định là cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp; quy định nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thể hiện vị trí trung tâm trong hệ thống tư pháp..., Hiến pháp 2013 có những quy định mới thể hiện vị thế quan trọng của Tòa án nhân dân trong bộ máy nhà nước ta. Bên cạnh quy định Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, Hiến pháp quy định Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội phê chuẩn tương xứng với các cán bộ cao cấp khác của cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, thay cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thẩm phán các Tòa án khác do Chủ tịch nước trực tiếp bổ nhiệm; nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án được nhấn mạnh và ở tầm hiến định nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án; quy định mở về hệ thống Tòa án mở đường cho việc tổ chức Tòa án theo cấp xét xử, không theo đơn vị hành chính... là những quy định mới, không chỉ khẳng định vị thế của Tòa án nhân dân trong Nhà nước pháp quyền mà còn là các cơ sở hiến định quan trọng để Tòa án nhân dân thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hiến pháp 2013 kế thừa, phát triển một số nguyên tắc đã được các bản Hiến pháp trước đây quy định. Các nguyên tắc như xét xử có hội thẩm tham gia, nguyên tắc thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, nguyên tắc xét xử công khai, xét xử tập thể, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được tiếp tục ghi nhận và phát triển ở mức cao hơn, chính xác hơn. Quan trọng nhất, việc Hiến pháp quy định nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm là một bảo đảm hiến định quan trọng cho việc thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử. Trong quy định các nguyên tắc này, Hiến pháp 2013 có quy định các trường hợp ngoại lệ đối với một số nguyên tắc để bảo đảm việc áp dụng mềm dẻo, linh hoạt và có hiệu quả trên thực tế.

Hiến pháp 2013 bổ sung một số nguyên tắc mới thể hiện tinh thần đổi mới trong cải cách tư pháp ở nước ta, phù hợp với các Công ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là một bảo đảm quan trọng giúp cho việc xét xử toàn diện, khách quan, bảo đảm quyền con người, quyền tố tụng của những người tham gia tố tụng, hạn chế thấp nhất các trường hợp oan sai trong hoạt động tố tụng tư pháp nói chung, trong xét xử của Tòa án nói riêng. Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được quy định trong Hiến pháp 2013 là việc nâng lên tầm hiến định nguyên tắc đã được quy định trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và các luật tố tụng tư pháp trước đây nhằm bảo đảm cho việc xét xử đúng đắn, khách quan, bảo vệ quyền con người, bảo vệ công lý.

Việc Hiến pháp 2013 quy định giao cho Tòa án nhân dân tối cao thẩm quyền bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật (Điều 104) cũng là bảo đảm quan trọng trong hoạt động của Tòa án, phù hợp chức năng áp dụng pháp luật của cơ quan tư pháp. Điều này có nghĩa là ngoài tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao còn có thể bằng các hình thức khác nhau bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử như thực hiện giám đốc xét xử, ban hành án lệ,...

Về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước:

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã hiến định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Còn Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Có thể nói, so với Hiến pháp năm 1992 thì ngoài chức năng xét xử thì Tòa án nhân dân còn thực hiện quyền tư pháp. Việc hiến định Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp tại Hiến pháp năm 2013 đã phân định quyền lực nhà nước theo hướng Tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, Chính phủ là cơ quan thực hiện

quyền hành pháp, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền lập hiến, lập pháp. Qua đó, làm rõ hơn mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ và Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, còn là cơ sở pháp lý quan trọng để giao cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết những loại vụ việc liên quyền con người, quyền của công dân những loại việc hiện nay các cơ quan hành chính đang thực hiện.

Mối quan hệ giữa Quốc hội và Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013 đã có sự kế thừa các hiến định trong mối quan hệ giữa hai cơ quan này tại Hiến pháp năm 1992 như các hiến định về nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội trong việc:

- Xét báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tối cao (Khoản 2 Điều 70);
- Quy định tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân (Khoản 6 Điều 70);
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (Khoản 7 Điều 70);
- Bãi bỏ văn bản của Tòa án nhân dân tối cao (Khoản 10 Điều 70).

Bên cạnh việc kế thừa các hiến định trong Hiến pháp năm 1992 thì Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung thêm thẩm quyền cho Quốc hội trong việc:

“Phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (khoản 7 Điều 70).”

Việc bổ sung thẩm quyền này đã đáp ứng được những yêu cầu trong việc đổi mới mô hình Tòa án nhân dân, làm rõ hơn vai trò của Quốc hội trong mối quan hệ với cơ quan thực hiện quyền tư pháp, đồng thời nâng cao vị thế của Thẩm phán theo tinh thần cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, *Hiến pháp sửa đổi năm 2013* khẳng định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”¹⁵ (Điều 2). Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân được Hiến pháp sửa đổi ghi nhận nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, nhân dân thông qua quyền lập hiến giao quyền lực nhà nước của mình cho Quốc hội, cho Chính phủ và cho cơ quan tư pháp như các Hiến pháp trước đây. Theo Điều 70 Hiến pháp sửa đổi năm 2013, nhân dân chỉ trao cho Quốc

¹⁵ *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 9

hội ba nhóm quyền hạn và nhiệm vụ: *quyền hạn và nhiệm vụ về lập hiến, lập pháp; quyền hạn và nhiệm vụ về giám sát tối cao; quyền hạn và nhiệm vụ về quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.* Đồng thời, Điều 6 quy định nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước không những bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước, mà còn bằng dân chủ trực tiếp thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, trong đó có trưng cầu ý dân về Hiến pháp (Điều 29 và Điều 120)... Như vậy, nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mới đúng, mới bảo đảm được thực hiện đầy đủ, không rơi vào chung chung, hình thức. Và như vậy, sự thống nhất quyền lực nhà nước được hiểu là toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, tập trung thống nhất ở nhân dân chứ không phải tập trung ở Quốc hội. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận sâu sắc và thực tiễn thiết thực. Trước hết, điều đó chỉ ra rằng, quyền lực nhà nước đầu là quyền lập pháp, hành pháp hay tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là nhân dân, đều do nhân dân ủy quyền, giao quyền. Do vậy, nói quyền lực nhà nước là thống nhất trước tiên là sự thống nhất ở mục tiêu chính trị, nội dung chính trị của Nhà nước. Cả ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp tuy có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng đều thống nhất ở mục tiêu chính trị chung là xây dựng một *“Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”*¹⁶, như Điều 3 Hiến pháp mới đã quy định.

Như vậy, quyền lực nhà nước là thống nhất và tập trung ở nhân dân, chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước là quan niệm có ý nghĩa chỉ đạo tổ chức quyền lực nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Về “phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”

¹⁶ *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 9

Một là, đối với quyền lập pháp là quyền đại diện cho nhân dân thể hiện ý chí chung của quốc gia. Những người được nhân dân trao cho quyền này là những người do phổ thông đầu phiếu bầu ra hợp thành cơ quan gọi là Quốc hội. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đại diện cho nhân dân, bảo đảm cho ý chí chung của nhân dân được thể hiện trong các đạo luật mà mình là cơ quan duy nhất được nhân dân giao quyền biểu quyết thông qua luật. Quyền biểu quyết thông qua luật là quyền lập pháp, chứ không phải là quyền đưa ra các mô hình xử sự cho xã hội. Vì vậy, quyền lập pháp không đồng nghĩa với quyền chỉ làm ra luật. Đồng thời, là người thay mặt nhân dân giám sát tối cao mọi hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động thực hiện quyền hành pháp, để góp phần giúp cho các quyền mà nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước không bị lạm quyền, lộng quyền hay bị tha hóa. Quyền hạn và nhiệm vụ của Quốc hội thực hiện quyền lập pháp được quy định ở Điều 70 và Điều 120 của Hiến pháp hiện nay.

Hai là, quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia do Chính phủ đảm trách. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đề xuất, hoạch định, tổ chức soạn thảo chính sách quốc gia và sau khi chính sách quốc gia được thông qua là người tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước mà thực chất là tổ chức thực hiện pháp luật để bảo đảm an ninh, an toàn và phát triển xã hội. Thực tiễn cho thấy, không có một chính phủ thực hiện quyền hành pháp một cách hữu hiệu, thông minh thì không thể có một nhà nước giàu mạnh, phát triển ổn định cả về mặt kinh tế lẫn mặt xã hội. Thực hiện quyền này đòi hỏi Chính phủ và các thành viên của Chính phủ cần nhanh nhạy, quyết đoán kịp thời và quyền uy tập trung, thống nhất. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chính phủ - cơ quan thực hiện quyền hành pháp được quy định một cách khái quát ở Điều 96 Hiến pháp hiện nay.

Ba là, quyền tư pháp là quyền xét xử, được nhân dân giao cho Tòa án thực hiện. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt và cao nhất trong tổ chức thực hiện quyền này; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của thẩm phán và hội thẩm nhân dân (khoản 2, Điều 103). Đây thực chất là quyền bảo vệ ý chí chung của quốc gia bằng việc xét xử các hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật từ phía công dân và cơ quan nhà nước. Vì vậy, bảo vệ công lý, bảo

vệ quyền con người, quyền công dân là nhiệm vụ hàng đầu của quyền tư pháp (khoản 3, Điều 102). Mọi cơ quan, tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ tính pháp quyền và công lý trong các phán quyết của Tòa án.

Như vậy, xuất phát từ đặc điểm của quyền lực nhà nước, việc phân định thành ba quyền nói trên là một nhu cầu khách quan. Ngày nay, xu hướng phân định rành mạch ba quyền đó ngày càng được coi trọng trong tổ chức quyền lực nhà nước. Vì, xã hội càng phát triển, phân công lao động càng phải chuyên môn hóa cao để phát triển vừa thống nhất, vừa hiệu quả. Đồng thời, thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta chỉ ra rằng, việc phân định mạch lạc ba quyền là cách thức tốt nhất để phát huy vai trò của Nhà nước trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước

Câu 7. Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm những cơ quan nào? Bạn hãy nêu nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân.

Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được ghi rõ tại Chương IX

Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Đơn vị hành chính của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Điều 110 của Hiến pháp được phân định như sau: cấp tỉnh, huyện, xã và đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập)

Chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt do luật định.

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân được trình bày cụ thể như sau:

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân: đây là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan Nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương do Luật định. Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước.

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân: Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân ở các cấp chính quyền địa phương cụ thể như sau:

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

Trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định quy hoạch, kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất đai, phát triển ngành và quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, nông thôn trong phạm vi quản lý; lĩnh vực đầu tư và quy mô vốn đầu tư theo phân cấp của Chính phủ. Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công ở địa phương và thông qua cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển các thành phần kinh tế ở địa phương; bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế theo quy định của pháp luật. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định. Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà

nước. Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân và mức huy động vốn theo quy định của pháp luật. Quyết định phương án quản lý, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực ở địa phương. Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định biện pháp thực hiện nhiệm vụ kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh và thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên ở địa phương. Quyết định biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện:

Trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; chủ trương, biện pháp về xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình ở địa phương. Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công và biện pháp phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế ở địa phương, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế theo quy định của pháp luật. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định. Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông, thủy lợi và biện pháp bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật. Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây. Quyết định biện pháp thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và quốc phòng toàn dân; bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dự bị động viên, thực

hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương; biện pháp kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh. Quyết định biện pháp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; biện pháp đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã:

Trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định biện pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm; kế hoạch sử dụng lao động công ích hàng năm; biện pháp thực hiện chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công và chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch chung. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương và điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; giám sát việc thực hiện ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định. Quyết định biện pháp quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được để lại nhằm phục vụ các nhu cầu công ích của địa phương. Quyết định biện pháp xây dựng và phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ gia đình ở địa phương. Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn nước, các công trình thủy lợi theo phân cấp của cấp trên; biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt, bảo vệ rừng, tu bổ và bảo vệ đê điều ở địa phương. Quyết định biện pháp thực hiện xây dựng, tu sửa đường giao thông, cầu, cống trong xã và các cơ sở hạ tầng khác ở địa phương. Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và quốc phòng toàn dân; thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ; thực hiện chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với các lực lượng vũ trang nhân dân ở địa

phương. Quyết định biện pháp bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự công cộng, an toàn xã hội; phòng, chống cháy, nổ; đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn.

Về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân ở các cấp chính quyền địa phương cụ thể như sau:

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Trong lĩnh vực kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, phát triển đô thị và nông thôn trong phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua để trình Chính phủ phê duyệt. Tham gia với các bộ, ngành trung ương trong việc phân vùng kinh tế; xây dựng các chương trình, dự án của bộ, ngành trung ương trên địa bàn tỉnh; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình, dự án được giao. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương; lập phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan thuế và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách tại địa phương theo quy định của pháp luật. Lập quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật trình Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo cơ quan tài chính cấp trên. Thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp và quyền đại diện chủ sở hữu về đất đai tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân; chỉ đạo công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, chống tham nhũng, chống buôn lậu và gian lận thương mại; bảo vệ bí mật nhà nước, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; quản lý và kiểm tra việc vận chuyển, sử dụng vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ; quản lý các nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hộ khẩu; quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài ở địa

phương. Thực hiện các biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang và quốc phòng toàn dân; chỉ đạo công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong nhân dân và trường học ở địa phương; tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; chỉ đạo việc xây dựng và hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng dự bị động viên và huy động lực lượng khi cần thiết, đáp ứng yêu cầu của địa phương và cả nước trong mọi tình huống. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương; thực hiện việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; tổ chức quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trong lĩnh vực kinh tế, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đó. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; quyết toán ngân sách địa phương; lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Tổ chức thực hiện ngân sách địa phương; hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xây dựng và thực hiện ngân sách và kiểm tra nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn về thực hiện ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật. Phê chuẩn kế hoạch kinh tế - xã hội của xã, thị trấn.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tổ chức phong trào quần chúng tham gia xây dựng lực lượng vũ trang và quốc phòng toàn dân; thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ huyện; quản lý lực lượng dự bị động viên; chỉ đạo việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, công tác huấn luyện dân quân tự vệ. Tổ chức đăng ký, khám tuyển nghĩa vụ quân sự; quyết định việc nhập ngũ, giao

quân, việc hoãn, miễn thi hành nghĩa vụ quân sự và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng công an nhân dân huyện vững mạnh, bảo vệ bí mật nhà nước; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hộ khẩu, quản lý việc cư trú, đi lại của người nước ngoài ở địa phương. Tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trong lĩnh vực kinh tế, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch đó. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết và lập quyết toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan nhà nước cấp trên trong việc quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, thị trấn và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Quản lý và sử dụng hợp lý, có hiệu quả quỹ đất được để lại phục vụ các nhu cầu công ích ở địa phương; xây dựng và quản lý các công trình công cộng, đường giao thông, trụ sở, trường học, trạm y tế, công trình điện, nước theo quy định của pháp luật. Huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của xã, thị trấn trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện. Việc quản lý các khoản đóng góp này phải công khai, có kiểm tra, kiểm soát và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thi hành pháp luật ở địa phương, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục xây dựng quốc phòng toàn dân, xây dựng làng xã chiến đấu trong khu vực phòng thủ địa phương. Thực hiện công tác

nghĩa vụ quân sự và tuyển quân theo kế hoạch; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị động viên; tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, sử dụng lực lượng dân quân tự vệ ở địa phương. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc vững mạnh; thực hiện biện pháp phòng ngừa và chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương. Quản lý hộ khẩu; tổ chức việc đăng ký tạm trú, quản lý việc đi lại của người nước ngoài ở địa phương.

Câu 8. Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân?

Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 79 như sau:

“1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. 2. Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. 3. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật”¹⁷.

Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 1 Điều 115 như sau:

“Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở địa phương; phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận

¹⁷ Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 41

động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên nhân dân tham gia quản lý nhà nước”¹⁸.

Bên cạnh đó, đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân nào không tham dự được kỳ họp phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Đại biểu Hội đồng nhân dân nào không tham dự được phiên họp phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa phiên họp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân nhận được yêu cầu, kiến nghị của cử tri phải có trách nhiệm trả lời cử tri.

Khi nhận được khiếu nại, tố cáo của nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết.

Trong thời hạn do pháp luật quy định, người có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân biết kết quả.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

¹⁸ *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr. 60 - 61

ban nhân dân cùng cấp. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn.

Trong thời gian Hội đồng nhân dân họp, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Người bị chất vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân dân hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để chuyển đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật, chính sách của Nhà nước trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc của cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Khi đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu gặp người phụ trách của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân thì người đó có trách nhiệm tiếp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước về việc thi hành pháp luật, chính sách của Nhà nước và về những vấn đề thuộc lợi ích chung. Cơ quan hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị của đại biểu.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

Câu 9. “...Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (trích Lời nói đầu Hiến pháp năm 2013)

Theo bạn, Nhà nước và mỗi người dân có trách nhiệm làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp?

Việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp là nhiệm vụ cực kì quan trọng mà Nhà nước và mọi người dân Việt Nam đều phải nêu cao tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ để nội dung bản Hiến pháp được thực hiện rộng rãi, thật sự đi vào cuộc sống và đến được với mọi đối tượng, tầng lớp nhân dân lao động trên phạm vi cả nước. Để thực hiện được điều này, theo tôi Nhà nước và mỗi người dân phải thực hiện được những nhiệm vụ đi kèm với những việc làm thiết thực sau đây:

** Đối với Nhà nước:*

Thứ nhất, Nhà nước phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Đây có thể nói là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa quyết định trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp. Nhà nước phải bảo đảm quyền con người, tôn trọng và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản hồi của người dân, phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân để Nhà nước ta thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân như trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: “...*Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà nước ta thật sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo...*”¹⁹.

Thứ hai, sau khi bản Hiến pháp 2013 có hiệu lực, Nhà nước cần kịp thời ban hành các văn bản cụ thể để hướng dẫn, sửa đổi trong việc thực thi và triển khai Hiến pháp cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và cuộc sống của người dân.

Thứ ba, Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của nhân dân.

¹⁹Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 246

Để bản Hiến Pháp được thực hiện rộng rãi và phát huy hiệu quả, bên cạnh việc đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, Nhà nước cần có những chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện hết sức thuận lợi để mỗi người dân tham gia đóng góp ý kiến trong tiến trình xây dựng đất nước trên tất cả các mặt kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội để thấy được tinh thần và trách nhiệm xây dựng đất nước của mỗi người dân đồng thời tạo ra sự đoàn kết nhất trí trong nhân dân. Khi có sự thống nhất và đoàn kết của mọi người dân thì sẽ tạo ra tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc thì mọi việc sẽ thành công trong quá trình thực thi và bảo vệ Hiến pháp cũng như trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là tinh thần đoàn kết để tạo ra sức mạnh ở nơi dân và đó cũng chính là điều kiện quyết định mọi thắng lợi trong quá trình thực hiện cách mạng ở nước ta, như chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở và dạy chúng ta rằng: “*Đễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong*”²⁰

Thứ tư, Nhà nước luôn phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc.

Thứ năm, Nhà nước cần phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức tuyên truyền và phổ biến rộng rãi nội dung bản Hiến pháp đến toàn thể người dân, để mọi người thực hiện đúng trách nhiệm của mình, đồng thời nhằm nâng cao nhận thức về bản Hiến pháp mới này.

Ngoài ra, theo tôi, để nội dung bản Hiến pháp được phổ biến rộng rãi đến được với mọi tầng lớp nhân dân, thật sự đi vào cuộc sống của mỗi người dân, Nhà nước cần phải bảo đảm tính tối cao của hiến pháp, điều này đòi hỏi tất cả các cơ quan nhà nước được nhân dân uỷ quyền không những phải tổ chức và hoạt động

²⁰Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.280

theo quy định của hiến pháp mà các cơ quan này còn phải ban hành các văn bản pháp luật (kể cả các văn bản luật và văn bản dưới luật) phù hợp với hiến pháp. Xuất phát từ nguyên tắc này thì: các văn bản dưới luật phải được ban hành trên cơ sở các văn bản luật, phù hợp với các văn bản luật, nội dung không được trái với các văn bản luật, nhằm để thực hiện các văn bản luật; văn bản của các cơ quan chấp hành và điều hành phải được ban hành phù hợp với văn bản của các cơ quan quyền lực; đại diện; văn bản của các cơ quan cấp dưới phải được ban hành phù hợp với văn bản của cơ quan cấp trên, nhưng phải bảo đảm sự phân định rõ ràng về thẩm quyền của cơ quan ở mỗi cấp; mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với hiến pháp.

Sau khi hiến pháp được ban hành phải nhanh chóng chi tiết, cụ thể hóa những quy định của hiến pháp bằng các văn bản luật khác, tạo cơ sở cho sự phát triển và hoàn thiện của toàn bộ hệ thống pháp luật. Đồng thời, phải tiến hành giải thích chính thức đối với những quy định của hiến pháp, đặc biệt là những quy định dễ gây ra sự nhận thức không thống nhất.

Với vai trò là đạo luật cơ bản, đạo luật gốc, việc tuyên truyền phổ biến Hiến pháp mang ý nghĩa quan trọng, do đó, Nhà nước cần quan tâm và tổ chức một cách bài bản khoa học, với quy mô trên phạm vi cả nước để nội dung bản Hiến pháp được phổ biến rộng rãi và đến được với mọi người dân của Tổ quốc.

Đồng thời, Nhà nước cần thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với công tác tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước, thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp đối với các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước từ trung ương tới địa phương, kể cả của các cơ quan nhà nước cao nhất. Đồng thời, cũng phải kiểm tra, giám sát đối với hoạt động và văn bản của các tổ chức, đoàn thể xã hội trong đất nước. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa hiến pháp với các văn bản khác thì phải nhanh chóng khắc phục và xử lý kiên quyết những văn bản được ban hành trái hiến pháp.

Mặt khác, cơ quan Nhà nước phải phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc ngăn chặn và xử lý các thế lực thù địch, cá nhân, tổ chức có ý định và hành vi xuyên tạc làm sai lệch nội dung Hiến pháp.

Vì vậy, việc bảo đảm tính tối cao của hiến pháp trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một mặt, nhằm bảo đảm quyền lực tối cao của nhân dân, tôn trọng ý chí và nguyện vọng của nhân dân; mặt khác, nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho sự phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật, làm cơ sở để thiết lập trật tự pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, củng cố và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

** Trách nhiệm của mỗi người dân:*

Mỗi người dân Việt Nam đều có vai trò to lớn và trách nhiệm quan trọng trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

Theo tôi, trước hết, mỗi người dân phải có trách nhiệm thực hiện tốt quyền nghĩa vụ công dân của mình đối với Nhà nước và xã hội trong việc thực thi Hiến pháp cũng như trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cụ thể, để thi hành và bảo vệ Hiến pháp, mỗi người dân phải có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Nhân dân phải có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Đồng thời, mọi người dân phải có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định để chung tay xây dựng đất nước.

Thứ hai, mỗi người dân phải tự giác và nâng cao ý thức trong việc nắm bắt, tuân thủ và thi hành đúng nội dung bản Hiến pháp. Việc tự giác và ý thức của mỗi người dân là vô cùng quan trọng để người dân ai ai cũng có thể tự mình tìm tòi, hiểu rõ và nắm bắt nội dung Hiến pháp để thực hiện đúng. Đồng thời, tinh thần tự giác suy nghĩ và tìm hiểu sẽ giúp cho mỗi người dân nắm bắt kĩ càng hơn và nhớ lâu hơn về nội dung bản Hiến pháp qua đó góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa nhằm đưa Hiến pháp vào cuộc sống, phát huy các giá trị của Hiến pháp, đặc biệt là những điểm mới, tiến bộ, qua đó góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc chấp hành Hiến pháp.

Thứ ba, mỗi người dân phải có trách nhiệm và tích cực trong việc đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền lẫn nhau về nội dung bản Hiến pháp để làm sao từ bản thân đến những người thân trong gia đình, bạn bè và xã hội đều có thể tiếp cận, hiểu rõ

được nội dung Hiến pháp từ đó những người thân trong gia đình và xã hội đều thực hiện đúng theo yêu cầu của Hiến pháp. Khi mà mọi người dân đều có tinh thần trách nhiệm tuyên truyền và thực hiện tốt như vậy sẽ làm cho bản Hiến pháp nhanh chóng được phổ biến và đi vào cuộc sống, đến được với mọi tầng lớp nhân dân và người lao động.

Thứ tư, để thật sự Hiến pháp được thi hành và bảo vệ, theo tôi điều quan trọng nhất là mỗi người dân phải tự mình thực hiện tốt và tuân thủ nội dung Hiến pháp, phải thật sự trở thành một tấm gương sáng để người khác noi theo. Việc tuân thực hiện tốt để mỗi người là một tấm gương sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho toàn xã hội thực hiện tốt bản Hiến pháp, như Bác Hồ đã từng dạy chúng ta rằng một tấm gương sáng còn hơn cả trăm bài diễn thuyết, qua đó thấy được vai trò và trách nhiệm to lớn của mỗi người dân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

Thứ năm, bên cạnh việc thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp, mỗi người dân Việt Nam cần nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu chống phá của thế lực thù địch trong và ngoài nước. Đặc biệt trong điều kiện hội nhập khu vực và thế giới như hiện nay, mỗi người dân chúng ta cần nêu cao tinh thần hơn nữa, phải cảnh giác và tránh bị các thế lực bên ngoài lợi dụng để xuyên tạc làm sai lệch nội dung và bản chất của bản Hiến pháp. Đây là điều quan trọng mà hiện nay mỗi người dân cần phải lưu ý và quan tâm để bảo vệ và thi hành bản Hiến pháp trong cuộc sống của mỗi người dân và toàn xã hội, để Hiến pháp thật sự là văn kiện đặc biệt quan trọng của đất nước, thể hiện tập trung ý chí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, tạo cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong thời kỳ mới nhằm xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tóm lại, Hiến pháp năm 2013 là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Do vậy, để thi hành và bảo vệ Hiến pháp, Nhà nước và mỗi người dân Việt Nam phải có sự phối hợp, thống nhất và phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực thi Hiến pháp. Đồng thời Nhà nước phải không ngừng quan tâm, chăm sóc và tạo điều kiện thuận lợi nhất đến với từng người dân để họ làm tốt vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện và tuyên truyền góp phần đưa nội dung bản Hiến pháp sớm đi vào cuộc sống và đến được với tất cả người dân trên mọi miền Tổ quốc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Hà Nội, 2011.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011:
6. Một số địa chỉ trang web:
 - www.google.com.vn: *Bảo đảm thực hiện quyền con người trong Hiến pháp 2013.*
 - www.google.com.vn: *Điểm mới nổi bật trong mối quan hệ giữa Quốc hội và Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013.*
 - www.google.com.vn: *Những cách thức để nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước theo Hiến pháp năm 2013.*

...